

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Văn N tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay. Nay bà xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N; Về con chung bà với ông N có 04 người con chung tên Phạm Việt Trinh, sinh năm 1993, Phạm Trường Vinh, sinh năm 1996, Phạm Thúy Liên, sinh năm 1999 và Phạm Quang Vinh, sinh năm 2004. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Phạm Quang Vinh, đối với 03 người con chung tên Phạm Việt Trinh, sinh năm 1993, Phạm Trường Vinh, sinh năm 1996, Phạm Thúy Liên, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

** Tại bản tự khai ngày 03 tháng 3 năm 2021 bị đơn ông Phạm Văn N trình bày: Ông với bà H chung sống với nhau năm 1992 nhưng không hạnh phúc, nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung đã lớn nên muốn sống với ai thì người đó nuôi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ông N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H và ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông N có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên bà H và ông N không được công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Phạm Quang Vinh. Xét thấy, người con chung tên Phạm Quang Vinh có nguyện vọng sống chung với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Quang Vinh, sinh năm 2004. Đối với người con chung tên Phạm Việt Trinh, sinh năm 1993, Phạm Trường Vinh, sinh năm 1996, Phạm Thúy Liên, sinh năm 1999 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H với ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 53, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Quang Vinh, sinh ngày 16/4/2004 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng, bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006185, ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận